Phụ lục 99
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ ĐỊNH MỸ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 2, 5, 14, 15, 28, 36, 44, 65, 66 Phụ lục 99 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL99 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	2	Nhựa 3,5m liên xã kênh Rạch Giá - Long Xuyên (Cầu Thoại Hà 2 cũ - Cầu Trường Tiền)	960	Sửa tên đường (Tên cũ: Nhựa 3,5m liên xã kênh Rạch Giá - Long Xuyên (Cầu Thoại Hà 2 - Cầu Trường Tiền))
2	5	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)		
		Kênh Thốt Nốt (Đình Định Mỹ) - Cầu Thoại Hà 2 cũ	403	Sửa tên đường (Tên cũ: Kênh Thốt Nốt (Đình Định Mỹ) - Cầu Thoại Hà 2)
3	14	Đường đất kênh Đồng Chòi (Kênh ranh ấp Trung Phú 3 – Kênh Rạch Giá Long Xuyên)	115	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường đất kênh Đồng Chòi (Kênh ranh Vĩnh Phú - kênh Ranh Vĩnh Phú, Định Mỹ))

TT	Số TT PL99 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
4	15	Đường nhựa 3,5m kênh Thốt Nốt (Kênh ấp Chiến lược – kênh ba Dầu)	138	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường nhựa 3,5m kênh Thốt Nốt (Kênh ấp Chiến lược - Ranh xã Vĩnh Phú))
5	28	Đường tỉnh 943 (Ranh Vĩnh Trạch - đường vào Trạm Biến áp 110kv) (trừ trung tâm xã, chợ kênh H)	345	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường tỉnh 943 (trừ trung tâm xã, chợ kênh H) (Ranh Vĩnh Trạch - Cầu kênh F))
6	36	Kênh Trục (Tỉnh lộ 943 - giáp xã Vĩnh Trạch)	173	Sửa tên đường (Tên cũ: Kênh Trục (Tỉnh lộ 943 - giáp Trạch))
7	44	Nhựa 5,5m liên xã kênh Rạch Giá - LX (Cầu ranh ấp Trung Phú 1, ấp Mỹ Thành - Cầu Ba Bần)	403	Sửa tên đường (Tên cũ: Nhựa 5,5m liên xã kênh Rạch Giá - LX (Cầu ranh Vĩnh Phú, Định Mỹ - Cầu Ba Bần))
8	65	Trung tâm		
		Bê tông 3m liên xã (kênh Ba Dầu) (Đường vào Trung tâm hành chính xã Vĩnh Phú cũ - ranh nhà ông Tám Cẩn)	1.725	Sửa tên đường (Tên cũ: Bê tông 3m liên xã (kênh Ba Dầu) (Đường vào Trung tâm hành chính xã - ranh nhà ông Tám Cẩn))
		Đường Nhựa sau trụ sở UBND xã Vĩnh Phú cũ (Các đường còn lại trong khu dân cư	288	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Nhựa sau trụ sở UBND xã (Các đường còn lại trong khu dân cư))
II	**BỔ SUNG**			

TT	Số TT PL99 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
1		Đường tỉnh 943: từ đường vào Trạm Biến áp 110kv đến cầu kênh F	1.320	Bổ sung
2		Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	120	Bổ sung
3		Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	100	Bổ sung
III	**HỦY BỎ**			
1	66	Các đường còn lại	88	Hủy bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL99 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Kênh cấp III	39	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp kênh cấp III)
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
		Kênh cấp III	44	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp kênh cấp III)
3	3	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Kênh cấp III	46	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp kênh cấp III)
4	4	Đất trồng cây lâu năm		
		Kênh cấp III	53	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp kênh cấp III)
5	5	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		

TT	Số TT PL99 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
		Kênh Ranh Làng (Kênh Ba Dầu - Ranh Tây Phú)	44	Sửa tên đường (Tên cũ: Kênh Ranh Làng (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh Tây Phú))
		Kênh cấp III	39	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp kênh cấp III)
6	6	Đất trồng cây lâu năm		
		Kênh Ranh Làng (Kênh Ba Dầu - Ranh Tây Phú)	55	Sửa tên đường (Tên cũ: Kênh Ranh Làng (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh Tây Phú));
		Kênh cấp III	44	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp kênh cấp III)
II	**BỔ SUNG**			
1	7	Khu vực còn lại		
		Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		Bổ sung
		Đất trồng cây lâu năm		Bổ sung